



CÔNG TY CP ĐƯỜNG NINH HÒA

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

**QUÍ II NĂM TÀI CHÍNH BẮT ĐẦU TỪ NGÀY 01/07/2014 KẾT
THỨC NGÀY 30/06/2015**

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	2 - 5
3. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ Quý 2 của năm tài chính bắt đầu từ 01/07/2014 – 30/06/2015.	6 - 7
4. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ Quý 2 của năm tài chính bắt đầu từ 01/07/2014 – 30/06/2015	8 - 9
5. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ Quý 2 của năm tài chính bắt đầu từ 01/07/2014 – 30/06/2015	10- 39

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm - Ninh Xuân - Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/07/2014 kết thúc ngày 30/06/2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Quý II Niên độ 2014 - 2015

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		775.201.639.213	1.110.021.558.423
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	94.296.542.165	22.460.781.583
1. Tiền	111		94.296.542.165	22.460.781.583
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	213.500.000.000	144.000.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		213.500.000.000	144.000.000.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		323.755.899.210	578.457.900.153
1. Phải thu khách hàng	131	V.3	3.298.469.110	378.527.597.786
2. Trả trước cho người bán	132	V.4	305.375.299.300	186.904.350.071
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.5	16.910.428.027	14.493.167.390
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(1.828.297.227)	(1.467.215.094)
IV. Hàng tồn kho	140		53.916.977.381	356.250.329.801
1. Hàng tồn kho	141	V.6	53.916.977.381	356.250.329.801
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		89.732.220.457	8.852.546.886
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		56.679.682.440	1.384.028.916
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		25.189.844.973	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		1.550.322.365	721.178.400
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.7	6.312.370.679	6.747.339.570

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm - Ninh Xuân - Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/07/2014 kết thúc ngày 30/06/2015

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.195.130.164.000	1.084.906.104.436
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		739.365.399.714	718.862.156.097
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	645.603.057.207	649.420.266.906
<i>Nguyên giá</i>	222		868.753.713.555	844.198.397.791
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(223.150.656.348)	(194.778.130.885)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.9	54.430.650.000	54.903.960.000
<i>Nguyên giá</i>	225		56.797.200.000	56.797.200.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		(2.366.550.000)	(1.893.240.000)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	831.742.737	909.711.531
<i>Nguyên giá</i>	228		2.038.807.016	2.038.807.016
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(1.207.064.279)	(1.129.095.485)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	38.499.949.770	13.628.217.660
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		436.113.533.230	347.954.616.660
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.12	242.012.298.432	238.853.381.862
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.13	194.101.234.798	109.101.234.798
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		16.203.575.236	13.846.062.977
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	16.083.075.236	13.755.562.977
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		120.500.000	90.500.000
VI. Lợi thế thương mại	269	V.15	3.447.655.820	4.243.268.702
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.970.331.803.213	2.194.927.662.859

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm - Ninh Xuân - Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/07/2014 kết thúc ngày 30/06/2015

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		927.852.713.168	1.189.462.156.385
I. Nợ ngắn hạn	310		752.656.063.445	998.354.637.937
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.16	591.219.460.430	772.672.822.036
2. Phải trả người bán	312	V.17	72.652.508.391	85.897.863.210
3. Người mua trả tiền trước	313		39.453.035.108	1.238.462.969
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.18	18.091.565.672	28.030.623.736
5. Phải trả người lao động	315		7.875.945.943	11.206.535.630
6. Chi phí phải trả	316	V.19	6.765.807.573	31.374.611.725
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318			-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.20	7.533.539.275	59.600.371.129
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.21	9.064.201.053	8.333.347.502
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327			-
II. Nợ dài hạn	330		175.196.649.723	191.107.518.448
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		609.800.000	61.200.000
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.22	168.842.953.988	183.962.620.249
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.23	5.743.895.735	7.083.698.199
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.029.658.182.339	959.264.914.046
I. Vốn chủ sở hữu	410		1.029.658.182.339	959.264.914.046
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.24	607.500.000.000	607.500.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.24	12.165.550.000	12.165.550.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			-
4. Cổ phiếu quỹ	414			-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.24	113.768.901.043	111.993.139.098
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.24	19.259.837.210	18.371.956.237
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	V.24	5.133.271.255	(1.616.929.007)
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.24	271.830.622.831	210.851.197.718
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
C - LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439	V.25	12.820.907.706	46.200.592.428
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.970.331.803.213	2.194.927.662.859

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm - Ninh Xuân - Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Qui II của năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/07/2014 kết thúc ngày 30/06/2015

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ	
		Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		3.103.000	5.487.000
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại:		-	-
Dollar Mỹ (USD)		701.372,74	10.180,39
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Ninh Hòa, ngày 14 tháng 02 năm 2015



Nguyễn Thị Như Hiếu
Người lập biểu



Nguyễn Thị Hồng Diễm
UQ. Kế toán trưởng



Võ Thị Thủy Tiên
Giám đốc tài chính



Trần Kim Dũng
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm - Ninh Xuân - Ninh Hòa - Khánh Hòa
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
 Quý II của năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/07/2014 kết thúc ngày 30/06/2015

Mẫu số B C2a - DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
 Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Đơn vị tính: VND)

Quý II Niên độ 2014 - 2015

(Từ ngày 01/10/2014 đến ngày 31/12/2014)

Đơn vị tính: VND

Lấy kể từ đầu năm đến cuối kỳ này

Quý II

CHỈ TIÊU	Mã số thuyết minh	Quý II		
		Năm nay (01/10/2014 - 31/12/2014)	Năm trước (01/10/2013 - 31/12/2013)	Năm trước (01/07/2013 - 31/12/2013)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01 VI.1	218.767.193.768	71.288.762.733	492.186.075.005
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	1.081.004.039	-	2.902.294.934
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10 VI.1	217.686.189.729	71.288.762.733	489.283.780.071
4. Giá vốn hàng bán	11 VI.2	154.371.970.628	53.732.084.853	398.560.516.934
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	63.314.219.101	17.556.677.880	90.723.263.137
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21 VI.3	17.916.432.222	17.949.991.545	28.184.418.750
7. Chi phí tài chính	22 VI.4	15.030.184.201	9.081.700.715	31.623.023.574
Trong đó: chi phí lãi vay	23	14.577.363.115	8.556.253.601	31.170.202.488
8. Chi phí bán hàng	24 VI.5	6.044.971.157	1.104.479.768	10.953.764.152
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25 VI.6	16.468.102.345	21.251.222.734	28.907.940.235
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	43.687.393.620	4.069.266.208	47.422.953.926
11. Thu nhập khác	31 VI.7	3.558.547.957	2.592.671.778	5.859.608.573
12. Chi phí khác	32 VI.8	1.085.503.006	2.208.952.772	2.635.174.281
13. Lợi nhuận khác	40	2.473.044.951	383.719.006	3.224.434.292
14. Phần lãi hoặc lỗ trong Công ty liên kết, liên doanh	45 VI.9	2.317.605.137	1.151.011.761	7.558.916.570
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	48.478.043.708	5.603.996.975	58.206.304.788
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51 VI.18	(7.168.039.064)	(1.325.589.243)	(2.476.527.534)
				363.866.504.527
				771.590.000
				363.094.914.527
				291.778.134.248
				71.316.780.279
				14.212.333.781
				19.375.633.179
				18.282.674.235
				11.102.915.264
				24.848.636.079
				30.201.929.538
				2.318.387.320
				2.609.998.253
				(291.610.933)
				3.981.035.720
				33.891.354.325
				6.640.540.269

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm - Ninh Xuân - Ninh Hòa - Khánh Hòa
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
 Quý II của năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/07/2014 kết thúc ngày 30/06/2015
 Bảng kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)


Mẫu số B 02a - DN
 (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
 Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

Lấy kể từ đầu năm đến cuối kỳ này

Quý II


CHỈ TIÊU	Mã thuyết minh	Lấy kể từ đầu năm đến cuối kỳ này			
		Năm nay (01/10/2014 - 31/12/2014)	Năm trước (01/10/2013 - 31/12/2013)	Năm nay (01/07/2014 - 31/12/2014)	Năm trước (01/07/2013 - 31/12/2013)
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	(2.129.600.000)	2.280.000.000	(1.339.802.464)	2.580.000.001
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	57.775.682.772	4.649.586.218	62.022.634.786	24.670.814.055
18,1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61	(3.887.980.725)	(55.766.539)	(5.231.607.810)	(28.296.900)
18,2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62	61.663.663.497	4.705.352.757	67.254.242.596	24.699.110.955
19. Lợi cơ bản trên cổ phiếu	70	1.015	155	1.107	725


 Nguyễn Thị Như Hiếu
 Người lập biểu


 Nguyễn Thị Hồng Diễm
 UQ. Kế toán trưởng


 Võ Thị Thủy Tiên
 Giám đốc tài chính




 Trần Kim Dũng
 Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm - Ninh Xuân - Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/07/2014 đến ngày 30/06/2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý II Niên độ 2014 - 2015

(Từ ngày 01/07/2014 đến ngày 31/12/2014)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay (01/07/2014 - 31/12/2014)	Năm trước (01/07/2013 - 31/12/2013)
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		58.206.304.788	33.891.354.325
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02		32.153.168.694	4.279.404.425
- Các khoản dự phòng	03		361.082.133	(44.812.727)
- Lợi nhuận được chia từ các công ty liên kết	05		(7.558.916.570)	(3.981.035.720)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(27.866.710.558)	(14.336.025.984)
- Chi phí lãi vay	06		31.170.202.488	18.282.674.235
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		86.465.130.975	38.091.558.554
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		230.010.677.158	(55.417.910.541)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		302.333.352.420	322.259.740.118
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(50.800.931.099)	(143.842.355.693)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(57.623.165.783)	(3.110.178.367)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(34.091.340.205)	(18.367.075.527)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(20.618.139.350)	(14.502.162.219)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		16.248.338.587	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(3.989.365.455)	(3.620.315.072)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		467.934.557.248	121.491.301.253
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(25.108.405.282)	(330.497.729.401)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		934.793.636	897.500.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(154.500.000.000)	(162.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(18.312.798.600)	(28.912.893.461)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		27.835.641.447	22.393.470.040
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(169.150.768.799)	(498.119.652.822)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm - Ninh Xuân - Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/07/2014 kết thúc ngày 30/06/2015

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	303.548.120.000
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		918.227.601.332	948.700.665.785
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(1.114.800.629.199)	(601.523.436.009)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(30.375.000.000)	(45.562.500.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(226.948.027.867)	605.162.849.776
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		71.835.760.582	228.534.498.207
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	22.460.781.583	93.752.549.025
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	94.296.542.165	322.287.047.232

Ninh Hòa, ngày 14 tháng 02 năm 2015



Nguyễn Thị Như Hiếu
Người lập biểu



Nguyễn Thị Hồng Diễm
UQ. Kế toán trưởng



Võ Thị Thủy Tiên
Giám đốc tài chính



Trần Kim Dũng
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm – Ninh Xuân – Ninh Hòa – Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/07/2014 kết thúc ngày 30/06/2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

6. Danh sách các công ty liên kết quan trọng được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Mía Đường 333	Thị trấn EaKnốp - Huyện EaKar - Tỉnh ĐăkLăk	42,10%	42,10%
Công ty Cổ phần Mía Đường Nhiệt Điện Gia Lai	Số 561 Trần Hưng Đạo – Thị xã Ayunpa – Tỉnh Gia Lai	22,56%	22,56%

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Trong những năm trước, kỳ kế toán năm của Tập đoàn là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2014, Tập đoàn thay đổi kỳ kế toán như sau:

Kỳ kế toán năm đầu tiên sau khi thay đổi là từ ngày 1 tháng 1 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014.

Những kỳ kế toán tiếp theo sẽ bắt đầu từ ngày 1 tháng 7 đến ngày 30 tháng 6.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng để lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND)

III. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo hướng dẫn của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Hình thức kế toán áp dụng

Tập đoàn sử dụng hình thức chứng từ ghi sổ. Công việc ghi sổ kế toán được thực hiện trên phần mềm trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa (công ty mẹ) và công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm – Ninh Xuân – Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/07/2014 kết thúc ngày 30/06/2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán của áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

3. Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là công ty mà Tập đoàn có những ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết được bao gồm trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu từ ngày bắt đầu có ảnh hưởng đáng kể cho đến ngày ảnh hưởng đáng kể kết thúc. Khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Chênh lệch giữa chi phí đầu tư và phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu chi phí đầu tư thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

4. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại Công ty con. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả và nợ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm – Ninh Xuân – Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/07/2014 kết thúc ngày 30/06/2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

tiềm tăng của đơn vị bị mua. Khoản chênh lệch âm (lợi thế thương mại âm) được ghi nhận ngay vào cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm. Khi ghi nhập các khoản đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại được bao gồm trong giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

5. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

6. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng hoặc giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm – Ninh Xuân – Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/07/2014 kết thúc ngày 30/06/2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	10 – 25
Máy móc và thiết bị	03 – 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05
Gia súc	12

9. Tài sản cố định vô hình

Giá trị quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao trong thời gian sử dụng. Quyền sử dụng đất lâu dài không tính khấu hao.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy vi tính được khấu hao trong thời gian 5 năm.

10. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

11. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá trị đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày trích lập dự phòng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm – Ninh Xuân – Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/07/2014 kết thúc ngày 30/06/2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

- Đối với chứng khoán chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do tối thiểu của 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất.

Đối với chứng khoán không thu thập được giá giao dịch trên thị trường thì không lập dự phòng.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

12. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 48 tháng.

Giá trị còn lại của tài sản cố định

Toàn bộ giá trị còn lại của các tài sản cố định hữu hình và vô hình không thỏa mãn tiêu chuẩn ghi nhận Tài sản cố định theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/2/2013 được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất được phân bổ theo thời gian 36 tháng.

Các chi phí khác

Lệ phí trước bạ quyền sử dụng đất, chi phí đền bù giải phóng mặt bằng của diện tích đất 1.500 m² làm nhà chứa bã mía với thời gian phân bổ 25 năm.

13. Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

14. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

15. Trợ cấp thôi việc và bảo hiểm thất nghiệp

Công ty phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc tại Công ty từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức chi trả bằng $\frac{1}{2}$ tháng lương bình quân làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 1 năm làm việc.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm – Ninh Xuân – Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/07/2014 kết thúc ngày 30/06/2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 Công ty phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp Công ty không phải trả trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009.

Trợ cấp thôi việc được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp khi chi trả cho người lao động.

16. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chỉ tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

17. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

18. Trích lập quỹ

Mức trích lập các quỹ được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội cổ đông hàng năm.

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 22% trên thu nhập chịu thuế.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm – Ninh Xuân – Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/07/2014 kết thúc ngày 30/06/2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

20. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc năm tài chính.

21. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

22. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm – Ninh Xuân – Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/07/2014 kết thúc ngày 30/06/2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

23. **Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu**

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm – Ninh Xuân – Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/07/2014 kết thúc ngày 30/06/2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phải sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phải sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại tại thuận của nợ phải trả tài chính.

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Công cụ tài chính phức hợp

Công cụ tài chính phức hợp do Công ty phát hành được phân loại thành các thành phần nợ phải trả và thành phần vốn chủ sở hữu theo nội dung thỏa thuận trong hợp đồng và định nghĩa về nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Phần vốn chủ sở hữu được xác định là giá trị còn lại của công cụ tài chính sau khi trừ đi giá trị hợp lý của phần nợ phải trả. Giá trị của công cụ phải sinh (như là hợp đồng quyền chọn bán) đi kèm công cụ tài chính phức hợp không thuộc phần vốn chủ sở hữu (như là quyền chọn chuyển đổi vốn chủ sở hữu) được trình bày trong phần nợ phải trả. Tổng giá trị ghi sổ cho các phần nợ phải trả và vốn chủ sở hữu khi ghi nhận ban đầu bằng với giá trị hợp lý của công cụ tài chính.

24. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuận trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuận hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm – Ninh Xuân – Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/07/2014 kết thúc ngày 30/06/2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

25. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	227.241.460	328.561.978
Tiền gửi ngân hàng	94.069.300.705	22.132.219.605
Cộng	<u>94.296.542.165</u>	<u>22.460.781.583</u>

2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngân hàng TMCP Quân Đội	20.000.000.000	20.000.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Nha Trang	2.000.000.000	2.000.000.000
Ngân hàng TMCP BIDV - CN. Khánh Hòa	35.000.000.000	105.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	93.500.000.000	-
Công ty Cổ phần KCN Thành Thành Công	35.000.000.000	-
Công ty TNHH TM Đầu tư Thuận Thiên	-	17.000.000.000
Công ty CP Khai Thác và quản lý KCN Đặng Huỳnh	28.000.000.000	-
Cộng	<u>213.500.000.000</u>	<u>144.000.000.000</u>

3. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ Phần Đầu Tư Thành Thành Công	2.448.612.000	239.282.853.270
Công ty Cổ Phần TM Thành Thành Công	-	57.960.000.000
Công ty Cổ Phần SX - TM Bao Bì Thành Thành Công	-	36.170.870.400
Công ty Cổ Phần Đường Biên Hòa	-	11.886.574.841
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	24.317.480	27.651.864.350
Các khách hàng khác	825.539.630	5.575.434.925
Cộng	<u>3.298.469.110</u>	<u>378.527.597.786</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm – Ninh Xuân – Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/07/2014 kết thúc ngày 30/06/2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

4. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Giá trị đầu tư cho nông dân từ vụ 2008 đến 2010	562.887.353	615.388.643
Giá trị đầu tư cho nông dân vụ 2011-2012	587.461.484	565.607.496
Giá trị đầu tư cho nông dân vụ 2012-2013	1.447.784.760	1.466.667.645
Giá trị đầu tư cho nông dân vụ 2013-2014	2.328.289.931	3.156.469.262
Giá trị đầu tư cho nông dân vụ 2014-2015	223.738.513.005	146.837.436.423
Giá trị đầu tư cho nông dân vụ 2015-2016	672.644.000	-
Cty TNHH TM Đầu Tư Thuận Thiên	68.324.499.975	-
Công ty CP SX-TM Bao Bì Thành Thành Công	1.772.216.000	-
Công ty CP Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh	1.214.000.000	-
Premium Transmission Limited	1.007.887.140	-
Công ty CP Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh	-	29.551.090.000
Trung Tâm Công Nghệ Môi Trường	938.332.303	1.214.000.000
Cty TNHH Giải Pháp kỹ thuật Bước Tiến	492.000.000	-
Cty TNHH SXCN & TM Hoàng Việt Lan	850.000.000	-
Cty TNHH Kỹ Thuật TM Thái Khương	184.380.000	-
Các nhà cung cấp khác	1.254.403.349	3.497.690.602
Cộng	<u>305.375.299.300</u>	<u>186.904.350.071</u>

5. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Mua Cổ phiếu Công ty Cổ Phần Mía Đường Phan Rang	-	3.085.078.050
Phải thu từ turbin 30MW	-	-
Tiền lãi phải thu nhà máy nhiệt điện bã mía Ninh Hòa	189.622.660	-
Phải thu từ Công ty cho thuê tài chính Á Châu	-	5.679.720.000
Phải thu từ dịch vụ mô giới chứng khoán Công ty CP Khai thác và quản lý KCN Đặng Huỳnh	5.368.740.930	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	2.853.472.222	-
Công ty Cổ phần Thương mại Thành Thành Công	3.184.241.666	3.758.650.443
Tiền lãi phải thu từ cho vay, lãi đầu tư	528.652.777	68.425.000
Phải thu từ bán cổ phiếu quỹ (Tạ Thị Ngoan)	2.569.112.444	-
Công ty TNHH TM và ĐT Thuận Thiên	435.909.020	-
Xử lý trắng lá 14-15	163.611.111	268.399.445
Chi phí kiểm tu thiết bị còn phải thu NHE	692.635.000	-
BHXH, BHYT, BHTN	87.719.697	-
Các đối tượng khác	334.242.330	-
Cộng	<u>502.468.170</u>	<u>1.632.894.452</u>
	<u>16.910.428.027</u>	<u>14.493.167.390</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm – Ninh Xuân – Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/07/2014 kết thúc ngày 30/06/2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

6. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	20.100.382.995	12.826.967.735
Công cụ, dụng cụ	384.225.437	354.817.154
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	8.730.543.418	3.976.910.637
Thành phẩm	20.505.208.521	322.899.553.128
Hàng hóa	4.196.617.010	16.192.081.147
Cộng	53.916.977.381	356.250.329.801

7. Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tạm ứng	619.796.078	962.639.732
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	5.692.574.601	5.784.699.838
Cộng	6.312.370.679	6.747.339.570

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	76.856.178.903	739.409.164.445	24.010.084.620	3.922.969.823	844.198.397.791
Tăng trong kỳ	5.659.807.996	17.850.791.039	1.128.125.455	637.400.000	25.276.124.490
Chuyển từ XD/CB	923.408.725	863.024.165	799.090.909	-	2.585.523.799
Phân loại lại	15.157.332.178	(15.157.332.178)			-
Giảm do thanh lý	-	(1.347.414.469)	(933.642.365)	-	(2.281.056.834)
Giảm khác	(313.200.000)	(712.075.691)	-	-	(1.025.275.691)
Số dư cuối kỳ	98.283.527.802	740.906.157.311	25.003.658.619	4.560.369.823	868.753.713.555
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng		24.773.372.051	-	82.455.843	24.855.827.894
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	22.996.556.675	160.172.338.431	10.083.829.673	1.525.406.106	194.778.130.885
Khấu hao trong kỳ	3.492.359.443	25.780.450.334	1.247.069.061	286.398.180	30.806.277.018
Thanh lý	-	(744.539.032)	(695.893.032)	-	(1.440.432.064)
Giảm khác	(310.590.000)	(682.729.491)	-	-	(993.319.491)
Số dư cuối kỳ	26.178.326.118	184.525.520.242	10.635.005.702	1.811.804.286	223.150.656.348
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	53.859.622.228	579.236.826.014	13.926.254.947	2.397.563.717	649.420.266.906
Số cuối kỳ	72.105.201.684	556.380.637.069	14.368.652.917	2.748.565.537	645.603.057.207

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình thuê tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm – Ninh Xuân – Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/07/2014 kết thúc ngày 30/06/2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình thuê tài chính

	Máy móc và thiết bị
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	56.797.200.000
Tăng trong kỳ	-
Số dư cuối kỳ	56.797.200.000
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	1.893.240.000
Khấu hao trong kỳ	473.310.000
Số dư cuối kỳ	2.366.550.000
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	54.903.960.000
Số dư cuối kỳ	54.430.650.000

10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	1.459.727.082	579.079.934	2.038.807.016
Số cuối kỳ	1.459.727.082	579.079.934	2.038.807.016
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	808.831.781	320.263.704	1.129.095.485
Khấu hao trong kỳ	16.484.640	61.484.154	77.968.794
Số cuối kỳ	825.316.421	381.747.858	1.207.064.279
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	650.895.301	258.816.230	909.711.531
Số cuối kỳ	634.410.661	197.332.076	831.742.737

Quyền sử dụng đất theo các giấy chứng nhận như sau:

- Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất xã Krong Jing-Huyện MaĐrăc-Tỉnh Đắk Lắk (340 m²).
- Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất thửa 93, 94, 95, 96 thôn Buôn Lác- Xã Ninh Tây-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa.
- Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất thửa 01 thôn Phước Lâm-Xã Ninh Xuân-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa (43.700 m²).

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Kỳ này
Số dư đầu kỳ	13.628.217.660
Phát sinh trong kỳ	27.457.255.909
Kết chuyển sang TSCĐ	(2.585.523.799)
Số dư cuối kỳ	38.499.949.770

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm – Ninh Xuân – Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/07/2014 kết thúc ngày 30/06/2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

12. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

Tên công ty	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Số lượng	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị	Số lượng	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị
Công ty CP Mía Đường Nhiệt Điện Gia Lai	8.800.000	22,56%	135.181.426.699	8.800.000	22,56%	139.351.056.412
Công ty CP Mía Đường 333	3.508.981	42,1%	106.830.871.733	3.508.981	42,1%	99.502.325.450
Cộng			<u>242.012.298.432</u>			<u>238.853.381.862</u>

13. Đầu tư dài hạn

• Đầu tư dài hạn vào cổ phiếu

Tên công ty	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Số lượng	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị	Số lượng	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị
Công ty Cổ Phần Điện Gia Lai	8.050.000	13,39%	84.000.000.000	8.050.000	13,39%	84.000.000.000
Công ty Cổ Phần Giao dịch hàng hóa Sơn Tín	1.500.000	10%	19.500.000.000	1.500.000	10%	19.500.000.000
Công ty CP Nghiên Cứu Ứng Dụng Thành Thành Công	420.000	14%	4.200.000.000	420.000	14%	4.200.000.000
Công ty Cổ Phần Đường Biển Hòa	116.648	0,2%	1.401.234.798	116.648	0,4%	1.401.234.798
Cộng			<u>109.101.234.798</u>			<u>109.101.234.798</u>

• Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	85.000.000.000	-
Cộng	<u>85.000.000.000</u>	<u>-</u>

14. Chi phí trả trước dài hạn

	Kỳ này
Số đầu năm	13.755.562.977
Tăng trong năm	3.599.041.179
Kết chuyển vào chi phí SXKD trong năm	(1.271.528.920)
Số cuối kỳ	<u>16.083.075.236</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm – Ninh Xuân – Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/07/2014 kết thúc ngày 30/06/2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**15. Lợi thế thương mại**

	Kỳ này
Nguyên giá	
Số đầu năm	7.956.128.816
Số cuối kỳ	7.956.128.816
Số đã phân bổ	
Số đầu năm	3.712.860.114
Phân bổ trong kỳ	795.612.882
Số cuối kỳ	4.508.472.996
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	4.243.268.702
Số cuối kỳ	3.447.655.820

16. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay ngắn hạn	533.087.374.659	733.795.321.740
Vay ngắn hạn ngân hàng	533.087.374.659	733.795.321.740
Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển - CN Khánh Hòa	172.988.055.930	199.707.561.249
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương- CN Nha Trang	93.377.062.468	132.552.257.824
Ngân hàng TMCP Phương Đông-CN Đắk Lắk	-	50.000.000.000
Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam)	128.200.000.000	38.500.000.000
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam-CNI, Tp.HCM	20.000.000.000	20.000.000.000
Ngân hàng TM Chinatrust - CN TP.HCM	-	21.000.000.000
Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Khánh Hòa	76.499.194.632	77.557.681.782
Ngân hàng TNHH MTV ANZ (Việt Nam) CN Tp.HCM	-	36.600.000.000
Ngân hàng TMCP Quốc Tế- CN Khánh Hòa	-	98.977.820.885
Ngân hàng TMCP Đại Dương - CN Nha Trang	-	10.900.000.000
Ngân hàng TMCP Á Châu - CN Khánh Hòa	-	15.000.000.000
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng, CN TP Hồ Chí Minh	17.023.061.629	-
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương- CN Ninh Thuận	6.000.000.000	12.000.000.000
Ngân hàng đầu Tư và Phát Triển Ninh Thuận	19.000.000.000	21.000.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	58.132.085.771	38.877.500.296
Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam)	45.723.122.135	30.604.857.872
Ngân hàng đầu Tư và Phát Triển Ninh Thuận	10.408.963.636	8.272.642.424
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương- CN Ninh Thuận	2.000.000.000	-
Cộng	591.219.460.430	772.672.822.036

Chi tiết phát sinh về các khoản vay như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay trong kỳ	Số đã trả trong kỳ	Số dư cuối kỳ
--	-------------------	-----------------------------	---------------------------	----------------------

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm – Ninh Xuân – Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/07/2014 kết thúc ngày 30/06/2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Số đầu năm	Số tiền vay trong kỳ	Số đã trả trong kỳ	Số dư cuối kỳ
Vay ngắn hạn	733.795.321.740	892.881.968.832	(1.093.589.915.913)	533.087.374.659
Vay ngắn hạn ngân hàng	733.795.321.740	852.881.968.832	(1.053.589.915.913)	533.087.374.659
Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển - CN Khánh Hòa	199.707.561.249	172.988.055.930	(199.707.561.249)	172.988.055.930
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương- CN Nha Trang	132.552.257.824	138.327.294.914	(177.502.490.270)	93.377.062.468
Ngân hàng TMCP Phương Đông-CN Đắk Lắk	50.000.000.000	70.000.000.000	(120.000.000.000)	
Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam)	38.500.000.000	128.200.000.000	(38.500.000.000)	128.200.000.000
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam-CN1, Tp.HCM	20.000.000.000	20.000.000.000	(20.000.000.000)	20.000.000.000
Ngân hàng TM Chinatrust - CN TP.HCM	21.000.000.000	21.000.000.000	(42.000.000.000)	
Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Khánh Hòa	77.557.681.782	110.499.194.632	(111.557.681.782)	76.499.194.632
Ngân hàng TNHH MTV ANZ (Việt Nam) CN Tp.HCM	36.600.000.000	52.044.361.727	(88.644.361.727)	-
Ngân hàng TMCP Quốc Tế- CN Khánh Hòa	98.977.820.885	14.900.000.000	(113.877.820.885)	-
Ngân hàng TMCP Đại Dương - CN Nha Trang	10.900.000.000	10.900.000.000	(21.800.000.000)	-
Ngân hàng TMCP Á Châu - CN Khánh Hòa	15.000.000.000		(15.000.000.000)	-
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng, CN TP Hồ Chí Minh	-	17.023.061.629	-	17.023.061.629
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương- CN Ninh Thuận	12.000.000.000	12.000.000.000	(18.000.000.000)	6.000.000.000
Ngân hàng đầu Tư và Phát Triển Ninh Thuận	21.000.000.000	85.000.000.000	(87.000.000.000)	19.000.000.000
Vay ngắn hạn các tổ chức khác	-	40.000.000.000	(40.000.000.000)	
Công ty CP Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh	-	40.000.000.000	(40.000.000.000)	
Vay dài hạn đến hạn trả	38.877.500.296	34.604.781.911	(15.350.196.436)	58.132.085.771
Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam)	30.604.857.872	30.468.460.699	(15.350.196.436)	45.723.122.135
Ngân hàng đầu Tư và Phát Triển Ninh Thuận	8.272.642.424	2.136.321.212	-	10.408.963.636
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương- CN Ninh Thuận	-	2.000.000.000	-	2.000.000.000
Cộng	772.672.822.036	927.486.750.743	(1.108.940.112.349)	591.219.460.430

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm – Ninh Xuân – Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/07/2014 kết thúc ngày 30/06/2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

17. Phải trả người bán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công Ty Hekou Mingcheng Technology & Tradeco., LTD	26.506.489.978	29.919.992.178
Công ty TNHH TM - DT Thuận Thiên	-	15.789.857.000
Công ty Cổ phần Điện Lực Khánh Hòa	3.419.277.950	10.722.557.500
Công ty TNHH TM & vận tải Thiên Ân	-	8.203.940.700
Công ty TNHH TM XNK Hà Khánh	-	2.815.588.314
Công ty TNHH Công Nghiệp Trí Tín	-	1.106.627.520
Công Ty Cổ Phần Công Nghiệp Hiệp Thành	6.589.518.001	1.086.368.000
Công ty TNHH XD-TM-DV Trung Hưng Thịnh	950.600.728	-
Rieckermann Servicers Limited	908.097.500	-
TRIVENI TURBINE LIMITED	783.094.140	-
Công ty TNHH TM&DV Kỹ Thuật Nam Phát	701.495.480	-
Công ty TNHH MTV TM DV&SX Nhật Quang	506.330.000	-
Công Ty Cổ Phần Cơ Điện Và Xây Lắp Hùng Vương	133.750.000	-
Tiền mía, tiền vận chuyển mía, bốc xếp mía	20.860.017.503	526.244.400
Trung tâm điều độ HTĐ Miền Trung	-	462.123.775
Công ty TNHH Tháp Giải Nhiệt B.K.K.Vina	-	1.774.154.529
Công ty CP Đầu Tư Thành Thành Công	579.843.496	-
Xí nghiệp lưới điện cao thế	583.333.333	-
Các nhà cung cấp khác	10.130.660.282	13.490.409.294
Cộng	72.652.508.391	85.897.863.210

18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng bán nội địa	5.033.097.792	33.278.705.754	(36.295.506.557)	2.016.296.989
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	1.534.790.724	(1.534.790.724)	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	957.107.840	(957.107.840)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	22.704.627.826	13.875.750.593	(20.722.078.890)	15.858.299.529
Thuế thu nhập cá nhân	86.801.598	1.915.684.604	(1.892.141.657)	110.344.545
Thuế tài nguyên	491.640	2.037.240	(2.211.360)	317.520
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	205.604.880	116.754.400	(247.060.280)	75.299.000
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	31.028.089	(20.000)	31.008.089
Cộng	28.030.623.736	51.680.831.155	(61.650.897.308)	18.091.565.672

Thuế giá trị gia tăng

Tập đoàn nộp thuế theo phương pháp khấu trừ.

Không chịu thuế: Hoạt động chăn nuôi, trồng trọt.

Thuế suất 5%: Đối với sản phẩm đường, phân bón, mật ri, bùn tro, bã mía, thuốc trừ cỏ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm – Ninh Xuân – Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/07/2014 kết thúc ngày 30/06/2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Thuế suất 10%: Đối với hoạt động gia công cơ khí, điện thương phẩm, sản phẩm và dịch vụ khác.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Tập đoàn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 22%.

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

19. Chi phí phải trả

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí khuyến nông	3.102.388.112	19.741.466.580
Chi phí lãi vay	3.537.709.085	1.771.616.818
Chi phí vận chuyển	-	6.458.846.802
Phí tư vấn	55.555.556	1.053.725.416
Chi phí khác	70.154.820	2.348.956.109
Cộng	6.765.807.573	31.374.611.725

20. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	65.640.800	69.520.300
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	25.610.367	41.008.497
Sở Tài Chính Khánh Hòa - Ứng vốn	-	20.000.000.000
Phải trả tiền cổ tức	2.847.996.800	33.222.996.800
Phải trả tiền đặt cọc, ký cược	331.200.000	294.200.000
Phải trả về kiểm tu thiết bị	358.701.830	-
Tiền lãi phải trả	343.786.280	4.329.806.688
Các khoản phải trả khác	3.560.603.198	1.642.838.844
Cộng	7.533.539.275	59.600.371.129

21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Quỹ khen thưởng	Quỹ phúc lợi	Quỹ khen thưởng Ban điều hành	Cộng
Số đầu năm	4.716.854.077	2.581.753.880	1.034.739.545	8.333.347.502
Tăng do trích lập từ lợi nhuận trong kỳ	1.331.821.459	2.351.821.459	394.927.000	4.078.569.918
Điều chỉnh quỹ trong kỳ	-	1.544.672.060	(500.000.000)	1.044.672.060
Chi quỹ trong kỳ	(514.800.000)	(3.377.588.427)	(500.000.000)	(4.392.388.427)
Số cuối kỳ	5.533.875.536	3.100.658.972	429.666.545	9.064.201.053

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm – Ninh Xuân – Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/07/2014 kết thúc ngày 30/06/2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

22. Vay và nợ dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) (a)	94.342.959.736	99.465.787.935
Ngân hàng TM CP Á Châu (b)	47.302.743.152	53.163.260.002
Ngân hàng TMCP Đầu Tư Phát Triển Ninh Thuận (c)	22.168.532.500	24.304.853.712
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương - Ninh Thuận (d)	5.028.718.600	7.028.718.600
Cộng	168.842.953.988	183.962.620.249

(a) Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam):

Hợp đồng tín dụng số VNM 130590CM ngày 03 tháng 07 năm 2013; Giá trị vay 12.000.000 USD (Mười hai triệu Đô La Mỹ chẵn); thời hạn rút vốn 18 tháng kể từ ngày ký hợp đồng; Thời hạn vay 60 tháng; Mục đích vay để tài trợ mua máy móc thiết bị gia tăng công suất từ 4.300Tấn/ngày lên 6.000 Tấn/ngày; Lãi suất vay theo từng lần nhận nợ; Biện pháp đảm bảo: Trước ngày rút vốn lần đầu theo hợp đồng được Công ty CP Đầu Tư Thành Thành Công bảo lãnh với khoản tiền được bảo lãnh tương đương 12.000.000 USD; Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số VNM 130590 CM/MM2 ngày 03 tháng 07 năm 2013; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số VNM 130590 CM/LH ngày 10 tháng 10 năm 2013; Hợp đồng thế chấp số VNM 130590 CM/MM1 ngày 02 tháng 10 năm 2013.

(b) Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân Hàng Á Châu:

Hợp đồng cho thuê tài chính số 05.04.13/HĐCTTC-DNH ngày 22 tháng 4 năm 2013; Tài sản cho thuê là 01 Bộ tổ máy Turbine máy phát điện công suất 30.000 KW, Model: 30MW STG, xuất xứ Ấn Độ, mới 100%; Giá trị tài sản cho thuê bằng VND tương đương 2.734.000 USD theo tỷ giá bán USD của Ngân hàng Á Châu tại ngày thanh toán cho bên cung ứng tài sản; Số tiền cho thuê: 54.065.000.000 VND (Năm mươi bốn tỷ không trăm sáu mươi lăm triệu đồng) + 100% phí bảo hiểm. Số tiền cho thuê được giải ngân nhiều lần trong thời hạn tối đa 12 tháng kể từ ngày ký HĐCTTC hoặc theo tiến độ được bên thuê chấp thuận bằng văn bản; Giá trị mua lại tài sản là: 162.195.000 VND (Một trăm sáu mươi hai triệu một trăm chín mươi lăm ngàn đồng) và thu một lần khi kết thúc thời hạn cho thuê tài chính hoặc khi HĐCTTC được thanh lý; Biện pháp đảm bảo tiền vay là số tiền ký cược của bên thuê: 5.406.500.000 VND (Năm tỷ bốn trăm lẻ sáu triệu năm trăm ngàn đồng); Lãi suất cho thuê tài chính: lãi suất trong hạn được qui định theo từng khung ước nhận nợ và được điều chỉnh theo qui định tại HĐCTTC; Lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn; Thời hạn cho thuê 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, trong đó thời gian ân hạn vốn gốc 06 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên; Ngày nhận nợ là ngày Hợp đồng mua bán tài sản giữa bên cung ứng tài sản, Bên cho thuê và Bên thuê hoặc Hợp đồng ủy thác nhập khẩu giữa Bên cho thuê và Bên thuê có hiệu lực theo pháp luật. Thanh toán tiền thuê tài chính: Nợ gốc tiền thuê tài chính định kỳ hàng qui theo dự nợ thực tế, trả sau thời gian ân hạn vốn gốc, số tiền trả nợ hàng qui định kỳ mỗi năm theo tỷ lệ như sau:

Lần	Ngày trả nợ	Tỷ lệ trả nợ vốn gốc
1	20/03	15%
2	20/06	35%
3	20/09	35%
4	20/12	15%

(c) Ngân hàng Đầu Tư và Phát Triển Ninh Thuận:

Hợp đồng tín dụng số 04/661136/2013/HĐTD ngày 30/9/2013; Giá trị vay 33.298.000.000 VND (Ba mươi ba tỷ hai trăm chín mươi tám triệu đồng); Thời hạn vay 60 tháng; Mục đích vay để cơ cấu tài chính phần vốn ngắn hạn đã sử dụng để đầu tư Dự án nâng cấp Máy móc thiết bị hoàn thiện và ổn định ép 1.000 TMN của Công ty CP Đường Phan Rang; Lãi suất vay theo từng lần

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm – Ninh Xuân – Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/07/2014 kết thúc ngày 30/06/2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

nhận nợ; Biện pháp đảm bảo: Thế chấp toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay; Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay số 02/661136/2013/HĐTC ngày 25/9/2013.

Hợp đồng tín dụng số 01/2012/HĐTĐTH ngày 12/9/2012; Giá trị vay 4.900.000.000 VND (Bốn tỷ chín trăm triệu đồng); Thời hạn vay 60 tháng; Mục đích vay để đầu tư nâng cấp tài sản cố định năm 2012 của Công ty CP Đường Phan Rang; Lãi suất vay theo thông báo ngân hàng; Biện pháp đảm bảo: Thế chấp toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay của Dự án đầu tư nâng cấp tài sản cố định năm 2012; toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi bằng VND và ngoại tệ của Bên vay tại ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác; Các khoản thu theo hợp đồng kinh tế được ký kết của Bên vay và đối tác khác mà Bên vay thụ hưởng.

Hợp đồng số 001/2010/HĐTDDH ngày 30/7/2010; Giá trị vay 7.106.500.000 VND (Bảy tỷ một trăm lẻ sáu triệu năm trăm nghìn đồng); thời hạn vay 84 tháng; Mục đích vay để đầu tư Dự án thiết bị năng lượng Lò Hơi và máy Turbo phát điện của Công ty CP Mía Đường Phan Rang; Lãi suất thả nổi bằng lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau + 3,5%/năm và được điều chỉnh theo thông báo ngân hàng; Biện pháp đảm bảo: Thế chấp toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay, hợp đồng thế chấp số 01TCVV/2010/HĐTC ngày 30/7/2010.

Hợp đồng số 002/2010/HĐTDDH ngày 30/7/2010; Giá trị vay 7.500.000.000 VND (Bảy tỷ năm trăm triệu đồng); thời hạn vay 84 tháng; Mục đích vay để đầu tư Dự án thiết bị công nghệ nâng công suất nhà máy 1.000 TMN của Công ty CP Mía Đường Phan Rang; Lãi suất thả nổi bằng lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau + 3,5%/năm và được điều chỉnh theo thông báo ngân hàng; Biện pháp đảm bảo: Thế chấp toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay, hợp đồng thế chấp số 01TCVV/2010/HĐTC ngày 30/7/2010.

(d) Ngân hàng TMCP Ngoại Thương – CN Ninh Thuận:

Hợp đồng số 0066/NTH/13CD ngày 27/6/2013; Giá trị vay 10.000.000.000 VND (Mười tỷ đồng); thời hạn vay 60 tháng; Mục đích vay để đầu tư dự án hoàn thiện và ổn định công suất ép 1.400 TMN trong năm 2013 của Công ty CP Mía Đường Phan Rang; Lãi suất theo thông báo của Ngân hàng; Biện pháp đảm bảo: Thế chấp toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay của dự án, hợp đồng thế chấp số 0068/2013/VCB.NTH ngày 27/6/2013 và 0075/2013/VCB. NTH ngày 27/6/2013.

23. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế thu nhập hoãn lại:		
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	5.743.895.735	7.083.698.199
Cộng	5.743.895.735	7.083.698.199

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm – Ninh Xuân – Ninh Hòa – Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/07/2014 kết thúc ngày 30/06/2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

24. Vốn chủ sở hữu**Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại ngày 01/01/2014	607.500.000.000	12.132.550.000	109.220.527.995	15.599.345.134	(1.616.929.007)	144.696.353.773	887.531.847.895
Tăng khác	-	33.000.000	-	-	-	-	33.000.000
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	108.914.243.719	108.914.243.719
Hoàn nhập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	815.089.079	815.089.079
Phân bổ vào các quỹ	-	-	2.772.611.103	2.772.611.103	-	(5.545.222.206)	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(6.545.222.206)	(6.545.222.206)
Phân bổ vào quỹ công tác xã hội	-	-	-	-	-	(1.109.044.441)	(1.109.044.441)
Điều chỉnh	-	-	-	-	-	(30.375.000.000)	(30.375.000.000)
Số dư tại ngày 30/06/2014	607.500.000.000	12.165.550.000	111.993.139.098	18.371.956.237	(1.616.929.007)	210.851.197.718	959.264.914.046
Số dư tại ngày 01/07/2014	607.500.000.000	12.165.550.000	111.993.139.098	18.371.956.237	(1.616.929.007)	210.851.197.718	959.264.914.046
Tăng khác	-	-	-	-	6.750.200.262	-	6.750.200.262
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	67.254.242.596	67.254.242.596
Phân bổ vào các quỹ	-	-	1.775.761.945	887.880.973	-	(2.663.642.918)	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(3.578.569.918)	(3.578.569.918)
Điều chỉnh	-	-	-	-	-	(32.604.647)	(32.604.647)
Số dư tại ngày 31/12/2014	607.500.000.000	12.165.550.000	113.768.901.043	19.259.837.210	5.133.271.255	271.830.622.831	1.029.658.182.339

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm – Ninh Xuân – Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

25. Lợi ích cổ đông thiểu số

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần quyền lợi của các cổ đông thiểu số trong giá trị tài sản thuần của công ty con. Tình hình biến động lợi ích của cổ đông thiểu số như sau:

	<u>Kỳ này</u>
Số đầu năm	46.200.592.428
Lãi lỗ trong kỳ	(5.231.607.810)
Điều chỉnh trong kỳ	(28.148.076.912)
Số dư cuối kỳ	<u>12.820.907.706</u>

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Kỳ này</u> <u>(01/10 - 31/12/2014)</u>	<u>Cùng kỳ năm</u> <u>trước</u> <u>(01/10 - 31/12/2013)</u>
Tổng doanh thu		
Doanh thu đường RS	211.372.803.840	63.358.526.897
Doanh thu mật ri	2.860.262.860	3.937.429.385
Doanh thu bùn, tro, bã mía	894.004.335	20.277.281
Doanh thu điện thương phẩm	1.677.325.400	81.735.716
Doanh thu (phân thuốc, mĩa giống)	1.962.797.333	3.890.793.454
<i>Các khoản giảm trừ doanh thu</i>	(1.081.004.039)	-
- Giảm giá hàng bán	(57.065.924)	-
- Hàng bán bị trả lại	(1.023.938.115)	-
Doanh thu thuần	<u>217.686.189.729</u>	<u>71.288.762.733</u>

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Kỳ này</u> <u>(01/10 - 31/12/2014)</u>	<u>Cùng kỳ năm</u> <u>trước</u> <u>(01/10 - 31/12/2013)</u>
Giá vốn đường RS	150.278.395.666	46.617.087.389
Giá vốn mật ri	2.860.262.860	3.508.499.671
Giá vốn bùn, tro, bã mía	894.004.335	20.277.281
Giá vốn điện thương phẩm	(416.988.340)	81.735.716
Giá vốn khác	756.296.107	3.504.484.796
Cộng	<u>154.371.970.628</u>	<u>53.732.084.853</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Kỳ này</u> <u>(01/10 - 31/12/2014)</u>	<u>Cùng kỳ năm</u> <u>trước</u> <u>(01/10 - 31/12/2013)</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng	669.307.977	3.312.760.923
Cổ tức lợi nhuận được chia	4.458.324.000	5.229.162.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm – Ninh Xuân – Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/07/2014 kết thúc ngày 30/06/2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Kỳ này (01/10 - 31/12/2014)	Cùng kỳ năm trước (01/10 - 31/12/2013)
Lãi cho vay + ứng trước hợp đồng+thanh toán chậm	4.829.698.608	943.888.889
Doanh thu từ hoạt động tài chính khác- lãi đầu tư trống mía	7.959.101.637	8.464.179.733
Cộng	17.916.432.222	17.949.991.545
4. Chi phí tài chính		
	Kỳ này (01/10 - 31/12/2014)	Cùng kỳ năm trước (01/10 - 31/12/2013)
Chi phí lãi vay	14.577.363.115	9.002.186.039
Chênh lệch tỷ giá	452.821.086	84.251
Cộng	15.030.184.201	9.081.700.715
5. Chi phí bán hàng		
	Kỳ này (01/10 - 31/12/2014)	Cùng kỳ năm trước (01/10 - 31/12/2013)
Chi phí nhân viên	666.134.331	75.916.484
Chi phí vận chuyển	3.685.604.943	950.966.184
Chi phí thuê kho, bốc xếp	-	71.741.000
Chi phí khác bằng tiền	1.693.231.883	5.856.100
Cộng	6.044.971.157	1.104.479.768
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
	Kỳ này (01/10 - 31/12/2014)	Cùng kỳ năm trước (01/10 - 31/12/2013)
Chi phí cho nhân viên	10.609.463.052	12.678.808.135
Chi phí vật liệu, dụng cụ quản lý	708.926.515	743.194.439
Chi phí khấu hao tài sản cố định	572.818.711	568.611.074
Chi phí phân bổ lợi thế thương mại	397.806.441	397.806.441
Chi phí khác	4.179.087.626	6.862.802.645
Cộng	16.468.102.345	21.251.222.734
7. Thu nhập khác		
	Kỳ này (01/10 - 31/12/2014)	Cùng kỳ năm trước (01/10 - 31/12/2013)
Thu thanh lý tài sản	2.762.286.522	27.272.727
Thu phạt vi phạm hợp đồng	1.377.000	-
Thu nhập khác	794.884.435	2.565.399.051
Cộng	3.558.547.957	2.592.671.778

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm – Ninh Xuân – Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/07/2014 kết thúc ngày 30/06/2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

8. Chi phí khác

	Kỳ này (01/10 - 31/12/2014)	Cùng kỳ năm trước (01/10 - 31/12/2013)
Phạt vi phạm hành chính	93.444.746	47.964.872
Giá trị còn lại của tài sản	602.875.437	-
Chi phí khác	389.182.823	2.160.987.900
Cộng	1.085.503.006	2.208.952.772

9. Phần lãi hoặc lỗ trong Công ty liên kết liên doanh

	Kỳ này (01/10 - 31/12/2014)	Cùng kỳ năm trước (01/10 - 31/12/2013)
Phần lãi hoặc lỗ trong kỳ	2.317.605.137	1.151.011.761
Cổ tức đã nhận trong kỳ	-	-
Cộng	2.317.605.137	1.151.011.761

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Kỳ này (01/10 - 31/12/2014)	Cùng kỳ năm trước (01/10 - 31/12/2013)
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	61.663.663.497	4.705.352.757
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	61.663.663.497	4.705.352.757
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	60.750.000	30.375.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.015	155

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và kế toán trưởng trong Công ty.

Các giao dịch giữa Công ty với các Thành viên quản lý chủ chốt bao gồm:

Thành viên chủ chốt	Nội dung giao dịch
Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	Tiền thù lao trong kỳ là 247.500.000 VND, cùng kỳ năm trước là 200.000.000 VND
Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng	Tiền lương, thưởng theo quy chế của Công ty. Thu nhập trong kỳ này là 2.169.894.929 VND, cùng kỳ năm trước là 2.119.861.547 VND

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm – Ninh Xuân – Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/07/2014 kết thúc ngày 30/06/2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

2. *Giao dịch với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty CP Mía Đường 333	Công ty liên kết
Công ty CP Mía Đường Nhiệt Điện Gia Lai	Công ty liên kết
Công ty CP Đầu Tư Thành Thành Công	Cổ đông lớn sở hữu 54,06% vốn điều lệ

Các giao dịch trọng yếu phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Cùng kỳ năm trước</u>
Công ty Cổ phần Đầu Tư Thành Thành Công		
Bán đường thành phẩm, mật ri	38.421.787.640	13.738.550.000
Mua hàng hóa, dịch vụ	3.035.805.722	494.292.700
Lãi chậm thanh toán, lãi cho vay	4.489.460.081	777.397.332
Thu từ bán đường, mật ri	63.718.055.000	56.775.577.385
Thu tiền lãi chậm thanh toán	344.615.312	-
Cho vay	108.500.000.000	-

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 số dư công nợ của các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Đầu Tư Thành Thành Công	99.132.853.166	243.041.503.713
Cộng các khoản phải thu	99.132.853.166	243.041.503.713
Công ty Cổ phần Đầu Tư Thành Thành Công	581.337.246	308.906.925
Cộng các khoản phải trả	581.337.246	308.906.925

3. *Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính*

	<u>Giá trị sổ sách</u>		<u>Giá trị hợp lý</u>	
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	94.296.542.165	22.460.781.583	94.296.542.165	22.460.781.583
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	194.101.234.798	109.101.234.798	194.101.234.798	109.101.234.798
Phải thu khách hàng	3.298.469.110	378.527.597.786	3.298.469.110	378.527.597.786
Các khoản phải thu khác	21.394.501.479	19.773.291.866	21.394.501.479	19.773.291.866
Cộng	526.590.747.552	673.862.906.033	526.590.747.552	673.862.906.033
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	760.062.414.418	956.635.442.285	760.062.414.418	956.635.442.285
Phải trả cho người bán	72.652.508.391	85.897.863.210	72.652.508.391	85.897.863.210
Các khoản phải trả khác	22.118.235.991	102.122.456.184	22.118.235.991	102.122.456.184
Cộng	854.833.158.800	1.144.655.761.679	854.833.158.800	1.144.655.761.679

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm – Ninh Xuân – Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/07/2014 kết thúc ngày 30/06/2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Tập đoàn sử dụng phương pháp và giá định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải trả cho người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu và cho vay có lãi suất cố định hoặc thay đổi được đánh giá dựa trên các thông tin như lãi suất, rủi ro, khả năng trả nợ và tính chất rủi ro liên quan đến khoản nợ. Trên cơ sở đánh giá này Công ty ước tính dự phòng cho phần có khả năng không thu hồi được.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá công bố giao dịch tại ngày kết thúc năm tài chính. Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết được ước tính bằng các phương pháp định giá phù hợp.

4. Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Công ty đã thế chấp tài sản cố định hữu hình để đảm bảo cho các khoản vay của ngân hàng. Thông tin về việc thế chấp tài sản cho đơn vị khác như sau:

<u>Tài sản thế chấp</u>	<u>Giá trị sổ sách</u>	<u>Điều khoản và điều kiện thế chấp</u>
Số cuối kỳ		
Hàng tồn kho	20.505.208.521	
Cổ phiếu	262.913.533.230	
Tài sản cố định hữu hình	10.049.352.287	
Cộng	293.468.094.038	
Số đầu năm		
Hàng tồn kho	322.899.553.128	
Cổ phiếu	242.012.298.432	
Tài sản cố định hữu hình	427.353.482.965	
Cộng	992.265.334.525	

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và vào ngày 01 tháng 07 năm 2014.

5. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Tập đoàn có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản đầu tư trồng mía) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, các công cụ tài chính khác).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm – Ninh Xuân – Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/07/2014 kết thúc ngày 30/06/2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Phải thu khách hàng

Tập đoàn giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, các cá nhân và các tổ chức nhận đầu tư phải có điều kiện đảm bảo khoản nhận đầu tư theo qui định và nhân viên kế toán công nợ, nhân viên nông vụ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Tập đoàn liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Tập đoàn được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Tập đoàn nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

6. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tập đoàn gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Tập đoàn chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Tập đoàn quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối năm				
Vay và nợ	591.219.460.430	168.842.953.988	-	760.062.414.418
Phải trả cho người bán	72.652.508.391	-	-	72.652.508.391
Các khoản phải trả khác	22.118.235.991	-	-	22.118.235.991
Cộng	685.990.204.812	168.842.953.988	-	854.833.158.800
Số đầu năm				
Vay và nợ	772.672.822.036	183.962.620.249	-	956.635.442.285
Phải trả cho người bán	85.897.863.210	-	-	85.897.863.210
Các khoản phải trả khác	102.122.456.184	-	-	102.122.456.184
Cộng	960.693.141.430	183.962.620.249	-	1.144.655.761.679

Tập đoàn cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

7. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm – Ninh Xuân – Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/07/2014 kết thúc ngày 30/06/2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Tập đoàn không có rủi ro ngoại tệ do việc mua và bán hàng hóa, dịch vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ kế toán là VND.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Tập đoàn chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay.

Tập đoàn quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Tập đoàn không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

Các cổ phiếu do Tập đoàn nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Tập đoàn quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

8. Thông tin khác

Kết quả hoạt động kinh doanh Quý này năm nay (Từ 01/10/2014 đến 31/12/2014) so với Quý này năm trước (01/10/2013 đến 31/12/2013)

Chỉ tiêu	Quý này (01/10/2014 – 31/12/2014)	Cùng kỳ năm trước (01/10/2013 – 31/12/2013)	Biến động (+,-)	Tỷ lệ (%)
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	63.314.219.101	17.556.677.880	45.757.541.221	260,63
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	43.687.393.620	4.069.266.208	39.618.127.412	973,59
Lợi nhuận kế toán trước thuế	48.478.043.708	5.603.996.975	42.874.046.733	765,06

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm – Ninh Xuân – Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/07/2014 kết thúc ngày 30/06/2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Các nguyên nhân ảnh hưởng đến sự biến động:

- Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ Quý này năm nay tăng so với cùng kỳ năm trước là 45.757.541.221 VND, tương đương tăng 260,63%; nguyên nhân do Quý này Tập đoàn tăng đáng kể doanh thu thành phẩm đường, mật so với cùng kỳ năm trước và điều chỉnh giảm chi phí khấu hao do điều chỉnh lại thời gian khấu hao theo niên độ.
- Lợi nhuận trước thuế Quý này năm nay tăng đáng kể so với cùng kỳ năm trước là 42.874.046.733 VND, tương đương tăng 765,06%, biến động tăng cùng chiều với lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ.

Ninh Hòa, ngày 14 tháng 02 năm 2014

Nguyễn Thị Như Hiếu
Người lập biểu

Nguyễn Thị Hồng Diễm
UQ. Kế toán trưởng

Võ Thị Thủy Tiên
Giám đốc tài chính



Trần Kim Dũng
Tổng Giám đốc

C.P. V.